

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2020/HN-ST**

Ngày: 11/9/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXX - HN ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

\* N đơn: Anh Đặng Thành N, sinh năm: 1971 (*Có mặt*).

HKTT: Khu vực Th.L, Phường Ph.Th, Quận C.R, Tp Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Kph1, Thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang.

\* Bị đơn: Chị Trần Mỹ A, sinh năm: 1968 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

HKTT: Ấp V.Ph, xã V.H.Ph, huyện C.T, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Kph1, Thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án N đơn anh Đặng Thành N trình bày và yêu cầu như sau: Anh và chị Trần Mỹ A quen biết nhau từ năm 2000 và tìm hiểu nhau một thời gian rồi tiến tới hôn nhân, anh chị có tổ chức đám cưới từ năm 2002. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định và được UBND phường Ph.Th, quận C.R, thành phố Cần Thơ, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2006 (Số 212, quyển số 02/2006).

Sau khi cưới thì vợ chồng về sinh sống tại Kph1, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang. Anh và chị Mỹ A chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Đến năm 2015 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu Đặng Thông V (sinh ngày 23/4/2005). Hiện nay, cháu đang sống cùng gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh N xin được ly hôn với chị Mỹ A; Đồng ý giao cháu Đặng Thông V (sinh ngày 23/4/2005) cho chị Mỹ A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Mỹ A tự khai như sau*:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Đặng Thành N.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Đặng Thông V (sinh ngày 23/4/2005). Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại phiên tòa*:

- *Anh N yêu cầu*: Về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với chị Mỹ A. Đồng ý giao cháu Đặng Thông V (sinh ngày 23/4/2005) cho chị Mỹ A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung, không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Chị Mỹ A vắng mặt không có lời trình bày*.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay: N đơn chấp hành pháp luật tố tụng nghiêm chỉnh và đúng qui định. Bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa đảm bảo, vắng mặt tại phiên tòa không trình bày ý kiến mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh N được ly hôn với chị Mỹ A;

- Về con chung: Giao cháu Đặng Thông V (*sinh ngày 23/4/2005*) cho chị Mỹ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Mỹ A là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi anh N khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì chị Mỹ A đang cư trú và sinh sống tại Kph1, thị trấn T11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị Mỹ A có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 11/8/2020 nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Mỹ A. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh N và chị Mỹ A chung sống với nhau từ năm 20002, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P.Th, quận C.R, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2006 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh N về việc ly hôn với chị Mỹ A, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì anh N cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh N và chị Mỹ A có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống là đúng. Đồng thời, chị Mỹ A cũng đồng ý ly hôn với anh N nhưng tại phiên tòa chị Mỹ A vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh N được ly hôn với chị Mỹ A.

[3] *Về quan hệ con chung*: Anh N và chị Mỹ A xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đăng Thông V (*sinh ngày 23/4/2005*), hiện nay cháu đang chung sống cùng anh chị. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh N đồng ý giao cháu V cho chị Mỹ A nuôi dưỡng, HĐXX xét thấy, yêu cầu này của anh N và yêu cầu được nuôi con của chị Mỹ A phù hợp với nguyện vọng của cháu V (*theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 15/6/2020*) nên HĐXX thống nhất giao cháu V cho chị Mỹ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn.

Chị Mỹ A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị Mỹ A có quyền yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh N và chị Mỹ A xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc anh N phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Đăng Thành N được ly hôn với chị Trần Mỹ A.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đăng Thông V (*sinh ngày 23/4/2005, giới tính nam*) cho chị Mỹ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Mỹ A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị Mỹ A có quyền yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc anh Đặng Thành N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007929 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh N không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Anh N mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2020).

Riêng chị Mỹ A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND Phường Ph.Th.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**